

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2023.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thúy Đoan

2. Bà Trần Thị Hồng Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Đắc T, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Thu N, Công ty luật A, Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1991. Địa chỉ cư trú: Khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-11-2022 và trình bày của nguyên đơn, vụ án được tóm tắt như sau:

Do mai mối giới thiệu, Anh Ngô Đắc T và Chị Nguyễn Thị Mộng T tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2012 tại

UBND phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung, họ và tên là Ngô Thị Kim N, sinh ngày 17/10/2014.

Anh T cho rằng: Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về tiền bạc, mâu thuẫn về kinh tế. Vì hạnh phúc gia đình anh đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn nhưng thời gian kéo dài mà hai bên không tìm được tiếng nói chung, rạn nứt tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, sau đó đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và muốn trả tự do cho nhau nên Anh T yêu cầu xin ly hôn với Chị T.

Về con chung Ngô Thị Kim N, sinh ngày 17/10/2014, đang sống chung với Anh T. Khi ly hôn, anh yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Về nợ chung: Tự xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Chị T vắng mặt không rõ lý do. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, do mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh T và Chị T rất trầm trọng, trong thời gian dài không thể hàn gắn đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Anh Ngô Đắc T yêu cầu xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn Chị Nguyễn Thị Mộng T, bị đơn cư trú khu vực H, phường T, quận M, thành phố Cần Thơ. Đây là vụ án Hôn nhân & Gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đắc T và Chị Nguyễn Thị Mộng T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/9/2012 tại UBND phường Thới Hòa, quận M, thành phố Cần Thơ, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T cho rằng cuộc sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn gay gắt do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, không tìm được tiếng nói chung, sống ly thân từ năm 2021 nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn. Hai bên không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ gì với nhau. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh xin ly hôn với Chị T. Chị T dù đã được triệu tập nhiều lần để hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng Chị T vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của Anh T, thể hiện, mâu thuẫn gia đình anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Anh T yêu cầu xin ly hôn với Chị T là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình.

[5] Xét về con chung: Anh T tự xác định anh chị có 01 người con chung tên là Ngô Thị Kim N, sinh ngày 17/10/2014 hiện đang sống với Anh T. Khi ly hôn, Anh T có yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét hiện con chung đang sống ổn định với Anh T và con có nguyện vọng muốn sống với cha. Do đó, nên giao con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở Chị T thực hiện quyền này.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Trình bày của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày phù hợp nhận định của Tòa án, có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Về tài sản chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác; nợ chung không có. Chị T vắng mặt. Do đó, về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[9] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Đắc T được ly hôn với Chị Nguyễn Thị Mộng T.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung họ và tên là Ngô Thị Kim N, sinh ngày 17/10/2014 cho Anh Ngô Đắc T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Chị Nguyễn Thị Mộng T, không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

4/ Về án phí: Anh Ngô Đắc T phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003630 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận M, thành phố Cần Thơ thành án phí. Anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND Phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hồng Nương